

Số: 77 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 21 tháng 6 năm 2019

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI

Số: 3214	Về tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2019
DEN Ngày: 02/07/2019	Chuyển:
Lưu hồ sơ số:	Thực hiện Thông báo số 140/TB-HĐND ngày 06/5/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chuẩn bị nội dung, chương trình Kỳ họp thứ chín, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2019 như sau:

BÁO CÁO

Số: 3214 Về tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2019

DEN Ngày: 02/07/2019

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Thực hiện Thông báo số 140/TB-HĐND ngày 06/5/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chuẩn bị nội dung, chương trình Kỳ họp thứ chín, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2019 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước

1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Trong năm 2019, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 4.503,6 tỷ đồng, tăng 13% so với dự toán năm 2018. Dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 4.905 tỷ đồng, phấn đấu cả năm đạt trên 5.000 tỷ đồng.

Uớc thực hiện thu 6 tháng đầu năm là 2.455 tỷ đồng, đạt 54,5% dự toán Trung ương giao; 50,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; tăng 7,6% so với cùng kỳ. Uớc thực hiện cả năm 5.002,5 tỷ đồng, đạt 111% dự toán trung ương giao; tăng 1,9% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; tăng 11% so với thực hiện năm 2018. Gồm:

1.1. Thu nội địa:

- Uớc thực hiện 6 tháng đầu năm là 2.330 tỷ đồng (bao gồm thu xổ số kiến thiết), đạt 54,5% dự toán Trung ương giao, 50% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 8,1% so với cùng kỳ. Uớc thực hiện cả năm 4.750 tỷ đồng, đạt 111,4% dự toán trung ương giao, tăng 2% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 11% so với thực hiện năm 2018. Cụ thể:

Một số khoản thu đạt, vượt tiến độ:

(1) Khoản thu từ DNHH địa phương: Uớc thực hiện 23 tỷ đồng, đạt 65,7% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm trước.

(2) Khoản thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Uớc thực hiện 20 tỷ đồng, đạt 222,2% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 160,1% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chủ yếu phát sinh thuế nhà thầu nước ngoài lắp ráp máy móc thiết bị cho nhà máy điện năng lượng mặt trời ở Krông Pa (*6 tháng 2019 nộp 3,5 tỷ; 6 tháng 2018 không phát sinh*) và tăng thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại và Chế biến Lois Dreyfus Company Việt Nam ước tăng 2,5 tỷ; Công ty TNHH Olam Việt Nam ước nộp tăng 0,7 tỷ;....

(3) Khoản thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 610 tỷ đồng, đạt 51,3% dự toán Trung ương giao; 50,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 3,8% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của một số doanh nghiệp lớn: Công ty cổ phần Quốc Cường Gia Lai 6 tháng năm 2018 nộp 82,7 tỷ đồng, 6 tháng năm 2019 ước nộp 3,7 tỷ đồng, ước giảm 79 tỷ đồng. Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai 6 tháng năm 2018 nộp 25,9 tỷ đồng, 6 tháng năm 2019 ước nộp 8,9 tỷ đồng, ước giảm 17 tỷ đồng. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phước Hoàng Long Gia Lai 6 tháng năm 2018 nộp 6 tỷ đồng, 6 tháng năm 2019 không phát sinh, ước giảm 6 tỷ đồng;... và một phần thời tiết nắng nóng các công ty thủy điện giảm sản lượng phát điện so cùng kỳ năm trước (*sản lượng phát điện các công ty thủy điện khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 6 tháng 2018 đạt 360 trkwh, 6 tháng 2019 đạt 288 trkwh, ước giảm 20% so cùng kỳ*).

(4) Khoản thu lệ phí trước bạ: Ước thực hiện là 133 tỷ đồng, đạt 55% dự toán Trung ương giao, 54,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 18,6% so với cùng kỳ.

(5) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 5 tỷ đồng, đạt 74,6% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 27,2% so với cùng kỳ.

(6) Phí xăng dầu - thuế Bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 344 tỷ đồng, đạt 50,6% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 35,2% so với cùng kỳ.

Tăng so với cùng kỳ do tăng mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu theo Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội kể từ ngày 01/01/2019.

(7) Thu phí và lệ phí: Ước thực hiện 51 tỷ đồng, đạt 50% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 1,3% so với cùng kỳ.

(8) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện là 45 tỷ đồng, đạt 64,3% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 4,1% so với cùng kỳ.

(9) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện là 59 tỷ đồng, đạt 98,3% dự toán Trung ương giao, 80,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 60,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do một số công ty thủy điện nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cả năm 2019;...

(10) Thu xổ số kiến thiết: Ước thực hiện là 85 tỷ đồng, đạt 68% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 9,4% so với cùng kỳ.

(11) Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện: Ước thực hiện 5,3 tỷ đồng, đạt 53% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 5% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, còn một số khoản thu chưa đạt tiến độ như:

(1) Khoản thu từ DNNN Trung ương: Ước thực hiện 420 tỷ đồng, đạt 42,6% dự toán Trung ương giao; 41,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chủ yếu do thời tiết các tháng đầu năm nắng nóng, sản lượng phát điện các công ty thủy điện giảm mạnh so cùng kỳ năm trước (sản lượng phát điện: Nhà máy thủy điện Ia Ly 6 tháng 2018 đạt 1.446 trkwh, 6 tháng 2019 đạt 1.123 trkwh, giảm 16% so cùng kỳ; Nhà máy thủy điện Sê San 3 trong 6 tháng 2018 đạt 486 trkwh, 6 tháng 2019 đạt 405 trkwh, giảm 17% so cùng kỳ; Nhà máy thủy điện Sê San 4 trong 6 tháng 2018 đạt 502 trkwh, 6 tháng 2019 đạt 384 trkwh, giảm 24% so cùng kỳ;...)

(2) Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 164 tỷ đồng, đạt 47,5% dự toán Trung ương giao và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 0,9% so với cùng kỳ.

(3) Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện là 365 tỷ đồng, đạt 91,3% dự toán Trung ương giao, đạt 48,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 27,6% so với cùng kỳ. Trong đó tiền sử dụng đất của cấp tỉnh đạt 9,3%, cấp huyện đạt 69,9%. Nguyên nhân Công ty cổ phần Sơn Hải nợ tiền 130,3 tỷ đồng (trong đó 121,4 tỷ đồng tiền sử dụng đất; 8,9 tỷ đồng tiền chậm nộp), các dự án của tỉnh triển khai chậm nên thu tiền sử dụng đất của cấp tỉnh chưa đạt tiến độ dự toán được giao.

- Các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý: Ước thực hiện là 90 tỷ đồng, đạt 52,4% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 31,2% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 175 tỷ đồng, đạt 105,8% dự toán trung ương giao, đạt 101,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 115,2% so với thực hiện năm 2018.

1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu

Ước thực hiện là 35 tỷ đồng, đạt 46,1% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 38,1% so cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 77,5 tỷ đồng, đạt 101,9% dự toán trung ương giao và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 8,5% so với thực hiện năm 2018.

Nguyên nhân do nguồn thu chủ yếu từ máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định; thu từ gỗ nguyên liệu (10,9 tỷ đồng) giảm 75,6%. Trong 4 tháng đầu năm 2019, số thu chủ yếu từ mặt hàng máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu trên địa bàn, tuy nhiên là nguồn thu không ổn định, phát sinh do nhu cầu mở rộng, nâng cấp nhà máy.

Ước thực hiện thu ngân sách đến 30/6/2019 của các huyện, thị xã, thành phố¹.

1.3. Tình hình nợ thuế: Tính đến thời điểm ngày 30/4/2019, tổng nợ thuế toàn ngành 1.055,3 tỷ đồng, tăng so với 31/12/2018 là 68,6 tỷ (7%). Gồm: Nợ khó thu 638,1 tỷ, tăng so với thời điểm 31/12/2018 là 10,3 tỷ đồng (tăng 1,6%);

¹ Kể cả tiền sử dụng đất: Có 15 huyện, thị xã, thành phố đạt và vượt dự toán đề ra, gồm: Huyện Chư Sê (125,6%); Huyện Chư Păh (116,3%); Huyện Phú Thiện (78,2%); Huyện K'Bang (62,5%); Huyện Ia Grai (58,2%); Huyện Krông Pa (57,7%); Thị xã An Khê (57,5%); Thị xã AyunPa (54%); Huyện Mang Yang (53,7%); Huyện Chư Prông (52,6%); Huyện IaPa (52,2%); Huyện Đức Cơ (51,4%); Huyện Đăk Pơ (51,2%); Huyện Đăk Đoa (50,7%); Thành phố Pleiku (50%); Có 02 huyện chưa đạt tiến độ: Huyện K'Gông Chro (44%); Huyện Chư Púh (37,4%).

Không kể tiền sử dụng đất: Có 14 huyện, thị xã, thành phố đạt và vượt dự toán đề ra, gồm: Thành phố Pleiku (69%); Huyện Krông Pa (64,2%); Huyện Phú Thiện (57,5%); Huyện Chư Púh (57,4%); Huyện Chư Sê (55,6%); Huyện Mang Yang (55,5%); Huyện Chư Prông (53,8%); Thị xã AyunPa (53,3%); Huyện Chư Păh (52,9%); Thị xã An Khê (52,8%); Huyện IaPa (51,9%); Huyện Đăk Pơ (51,6%); Huyện Đức Cơ (50,8%); Huyện Đăk Đoa (49,8%); Có 03 huyện chưa đạt tiến độ: Huyện K'Bang (44,6%); Huyện Ia Grai (43%); Huyện K'Gông Chro (42,6%).

nợ chờ xử lý 166,6 tỷ đồng, tăng 6,5 tỷ (4,1%); nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày 250,6 tỷ, tăng so với 31/12/2018 là 51,8 tỷ (26%).

- Nợ khó thu là 638,1 tỷ đồng, chiếm 60,5% trên tổng nợ. Số nợ khó thu có xu hướng tăng, phần lớn tăng do tính tiền phạt chậm nộp (0,03% trên mỗi ngày chậm nộp tương ứng 0,9% tháng và 10,8% năm), ước mỗi tháng tăng 2,7 tỷ đồng tiền chậm nộp.

- Nợ chờ xử lý chủ yếu là hai đơn vị có số nợ lớn đang khiếu kiện kéo dài chưa được xử lý: Công ty cổ phần Sơn Hải 130,3 tỷ đồng (trong đó 121,4 tỷ đồng tiền sử dụng đất; 8,9 tỷ đồng tiền chậm nộp); Công ty cổ phần Xi măng Gia Lai: 14,6 tỷ đồng (trong đó 9,7 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; 2,1 tỷ đồng tiền thuê đất và 2,4 tỷ đồng tiền chậm nộp).

2. Về chi ngân sách địa phương:

Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019 ước thực hiện 5.520 tỷ đồng, bằng 46,8% dự toán Trung ương giao, đạt 44,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 11,2% so với cùng kỳ.

Năm 2019 tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 221.710 triệu đồng (gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 92.976 triệu đồng; ngân sách cấp huyện là 128.734 triệu đồng).

2.1. Các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 670 tỷ đồng, bằng 48,2% dự toán Trung ương giao, đạt 35,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 2% so với cùng kỳ.

- Tình hình quyết toán dự án hoàn thành đến ngày 30/5/2019 trên địa bàn tỉnh:

+ Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán đến 30/5/2019 là 552 dự án (trong đó: Tổng giá trị đề nghị quyết toán: 789.670,0 triệu đồng; tổng giá trị quyết toán được phê duyệt: 789.496,0 triệu đồng; tổng số giá trị giảm trừ qua quyết toán 174,0 triệu đồng).

+ Số dự án hoàn thành chủ đầu tư đã nộp hồ sơ báo cáo quyết toán, trong thời hạn thẩm tra quyết toán là 179 dự án, tổng giá trị đề nghị quyết toán là 277.074,0 triệu đồng.

+ Số dự án hoàn thành chủ đầu tư chưa nộp hồ sơ báo cáo quyết toán 356 dự án, tổng mức đầu tư được duyệt là 552.868,0 triệu đồng, trong đó:

Số dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán là 334 dự án, với tổng mức đầu tư được duyệt là 513.129,0 triệu đồng.

Số dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng là 22 dự án (thuộc tuyến huyện quản lý), với tổng mức đầu tư được duyệt là 39.739,0 triệu đồng, trong đó: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ 01 dự án, tổng mức đầu tư 9.894,0 triệu đồng; Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh 21 dự án, tổng mức đầu tư 29.845,0 triệu đồng².

² Các huyện, thị xã: Ayun Pa, Đak Đoa, Đức Cơ, Kbang, Chư Păh, Ia Pa, Chư Puh chưa có báo cáo quyết toán đến thời điểm 31/5/2019

2.2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 3.718,6 tỷ đồng, đạt 45,3% dự toán Trung ương giao và 45,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 6,7% so với cùng kỳ.

2.3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và trung ương bổ sung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ: Ước thực hiện là 1.130 tỷ đồng, đạt 57,5% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 38% so với cùng kỳ.

Ước thực hiện chi ngân sách đến 30/6/2019 của các huyện, thị xã, thành phố³.

2.4. Đến ngày 31/5/2019, tổng số kinh phí chuyển nguồn từ năm 2018 sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện là 1.951,7 tỷ đồng (gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 1.375,9 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện 489,6 tỷ đồng; ngân sách cấp xã 86,1 tỷ đồng). Giảm so với năm 2017 là 285,3 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách cấp tỉnh giảm 155,4 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện giảm 136 tỷ đồng; ngân sách cấp xã tăng 6,1 tỷ đồng).

2.5. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2019 (*đến 30/5/2019*).

- Dự toán năm 2019 là 127.286 triệu đồng.

- Số kinh phí đã có quyết định sử dụng là 4.552,2 triệu đồng (*biểu kèm theo*).

- Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh còn lại là 122.733,8 triệu đồng.

3. Đánh giá chung:

Về thu ngân sách: Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến hết tháng 6 năm 2019 đạt 54,5% so với dự toán trung ương giao, đạt 50,1% so với dự toán Hội đồng nhân dân giao, đạt tiến độ và tăng 7,6% so với cùng kỳ, nhiều khoản thu đạt và vượt tiến độ. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Việc triển khai dự toán cơ bản đảm bảo tiến độ. Chỉ đạo triển khai đề án sáp nhập theo Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

II. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2019

Ước thực hiện và phấn đấu thu ngân sách nhà nước cả năm 2019 đạt trên 5.000 tỷ đồng, tăng 1,94% trở lên so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Theo số thu phấn đấu trên thì 6 tháng còn lại năm 2019 phải thực hiện 2.545 tỷ đồng, bình quân 424,1 tỷ đồng/1 tháng (thu nội địa phải thực hiện là 2.505 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu phải thực hiện 42,5 tỷ đồng). Trong khi đó bình quân 6 tháng đầu năm 2019 chỉ thực hiện 409,1 tỷ đồng. Do đó, nhiệm

³ Huyện Kong Chro (59,2%); Huyện Đăk Đoa (58,9%); Huyện KBang (55,5%); Huyện Chư Sê (51,8%); Thị xã AyunPa (51,1%); Huyện Chư Păh (51%); Huyện Chư Prông (50,6%); Huyện Ia Grai (49,6%); Huyện Chư Puh (47,4%); Huyện Đức Cơ (46,5%); Thành phố Pleiku (46%); Huyện Đăk Pơ (45,6%); Thị xã An Khê (45,3%); Huyện IaPa (44%); Huyện Phú Thiện (41,1%); Huyện Mang Yang (39,1%).

vụ thu ngân sách 6 tháng cuối năm sẽ khó khăn, cần tập trung, quyết liệt thực hiện.

1. Một số giải pháp chủ yếu về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

1.1. Đối với ngành thuế:

- Chủ động rà soát, kiểm tra, khai thác các nguồn thu, nuôi dưỡng và tạo lập nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời, tập trung chống thất thu, nợ đọng thuế.

- Kiểm tra, phát hiện kịp thời các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trốn thuế để xử lý nhằm tạo môi trường bình đẳng trong sản xuất kinh doanh; tập trung khai thác lĩnh vực còn thất thu như: Khai thác khoáng sản, các hoạt động dịch vụ, thương mại, vận tải, xây dựng...nhằm xử lý, truy thu kịp thời nộp vào ngân sách nhà nước các khoản phải thu. Tránh tình trạng doanh nghiệp khai không đúng doanh thu, khai lỗ để trốn thuế, nợ đọng thuế; minh bạch trong chính sách thuế, không để kết nối với cán bộ thuế để trốn thuế, vụ lợi cá nhân. Phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Chủ động tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp để xử lý các vướng mắc của doanh nghiệp, vận động hướng dẫn vận động hộ kinh doanh cá thể thành lập doanh nghiệp. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khi chuyển từ các hộ kinh doanh cá thể.

- Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cưỡng chế nợ thuế đối với các doanh nghiệp nợ đọng lớn, nợ dây dưa, kéo dài. Chủ động tham mưu chính quyền địa phương các cấp, các sở ban ngành chức năng phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế để triển khai các biện pháp thu nợ thuế có hiệu quả. Công khai thông tin các đơn vị nợ thuế lớn lên Website Bộ Tài chính, ngành thuế và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định Luật Quản lý thuế và theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

- Tập trung chỉ đạo khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước trong công tác chống thất thu ngân sách. Chủ động phối hợp các cơ quan chức năng địa phương đẩy nhanh tiến độ giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Chủ động thực hiện công tác lập sổ bộ thuế 2019, bộ quyết toán thuế năm 2018 đối với các khoản thu liên quan đất đai (tiền thuê đất; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) nhằm bảo đảm đúng thời gian, thông tin dữ liệu chính xác.

- Cục Thuế chủ động phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương các ban quản lý dự án của tỉnh, các chủ đầu tư nhằm cập nhật kịp thời các dự án triển khai ở tỉnh để phối hợp, hướng dẫn các đơn vị thi công thực hiện kê khai, nộp thuế xây dựng cơ bản vãng lai theo đúng quy định hiện hành.

1.2. Các sở, ngành, địa phương: Tập trung rà soát giải phóng các thủ tục còn tồn đọng để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào tất cả các lĩnh vực. Tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp, chủ đầu tư triển khai các dự án và thu thuế xây dựng cơ bản và tạo nguồn thu từ sản xuất kinh doanh khi dự án đi vào hoạt động.

1.3. Các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan xử lý các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước như: Tiền xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định của các cơ quan chức năng như: xử lý bán tài sản, hàng hóa tịch thu, thu

phạt vi phạm gian lận thương mại, phạt vi phạm hàng giả,...kịp thời, đúng quy định.

2. Về công tác quản lý chi ngân sách địa phương:

2.1. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản kề cả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu ngân sách nhà nước.

2.2 Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao quyền tự chủ tự đảm bảo chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Sở Tài chính và các sở, ngành hoàn tất các thủ tục, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ các nguồn kinh phí để phát huy hiệu quả các nguồn vốn, không để kết dư, chuyển nguồn sang năm 2021.

2.3. Tiếp tục rà soát các chế độ chính sách hiện nay còn bất cập để báo cáo các Bộ, ngành Trung ương cho ý kiến xử lý để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2.4. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán, và kiểm tra, xét duyệt và thẩm tra quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước trình Hội đồng nhân dân xem xét phê chuẩn đúng Luật Ngân sách nhà nước.

2.5. Thực hiện tốt Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã định hướng, lộ trình và nội dung sắp xếp trong từng cơ quan, từng lĩnh vực sự nghiệp.

2.6. Tăng cường trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước trong công tác kiểm soát chi thanh toán đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Trên đây là những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2019, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát./. Thao

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng

BÁO CÁO CHI TIẾT THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÁNG 6 NĂM 2019
(kèm theo Báo cáo số 77 /BC-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế thực hiện đến 30/6/2018	Lũy kế ước thực hiện đến 30/6/2019	Ước thực hiện cả năm 2019	(%) Ước thực hiện đến 30/6/2019 so với ước thực hiện đến 30/6/2019		
						Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Cùng kỳ năm trước
A	I	2	3	4	5	$\delta=4/1$	$7=4/2$	$8=4/3$
A. TỔNG THU CÀN ĐỐI NSNN TRÊN ĐỊA BÀN								
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước								
1. Cục thuế quản lý thu								
1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	4.503.600	4.905.000	2.280.684	2.455.000	5.002.500	54,5%	50,1%	107,6%
1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	4.427.600	4.829.000	2.224.038	2.420.000	4.925.000	54,7%	50,1%	108,8%
1.3. Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.262.300	4.657.300	2.155.428	2.330.000	4.750.000	54,7%	50,0%	108,1%
1.4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	985.000	1.002.000	460.131	420.000	945.000	42,6%	41,9%	91,3%
1.5. Lệ phí trước bạ	35.000	35.000	18.064	23.000	37.000	65,7%	65,7%	127,3%
1.6. Thué sử dụng đất nông nghiệp	9.000	9.000	7.690	20.000	22.000	222,2%	222,2%	260,1%
1.7. Thué sử dụng đất phi nông nghiệp	242.000	243.000	112.119	133.000	250.000	55,0%	54,7%	118,6%
1.8. Thué thu nhập cá nhân	6.700	6.700	3.930	5.000	7.500	74,6%	74,6%	127,2%
1.9. Thuế Bảo vệ môi trường	345.000	345.000	162.568	164.000	345.000	47,5%	47,5%	100,9%
1.10. Thu phí và lệ phí	102.000	102.000	50.352	51.000	102.000	50,0%	50,0%	101,3%
1.11. Tiền sử dụng đất	400.000	755.000	286.011	365.000	800.000	91,3%	48,3%	127,6%
1.12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	70.000	70.000	43.216	45.000	85.000	64,3%	64,3%	104,1%
1.13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			361	200	500			55,4%
1.14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	60.000	73.000	36.813	59.000	85.000	98,3%	80,8%	160,3%
1.15. Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN	2.600	2.600	2.516		3.000			
1.16. Thu Xô số kiến thiết	125.000	125.000	77.722	85.000	135.000	68,0%	68,0%	109,4%
1.17. Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện (thu khác cần đối)	10.000	10.000	5.046	5.300	12.000	53,0%	53,0%	105,0%
2. Các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý	165.300	171.700	68.610	90.000	175.000	54,4%	52,4%	131,2%
2.1. Thu từ quỹ đất công ích và thu lợi công sản khác	2.700	2.700	1.245	2.000	3.000	74,1%	74,1%	160,7%

Morda

MỤC TIÊU	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế thực hiện đến 30/6/2018	Lũy kế ước thực hiện đến 30/6/2019	(%) Ước thực hiện đến 30/6/2019 so với ước thực hiện cả năm 2019		
					Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Cùng kỳ năm trước
A	1	2	3	4	5	6=4/1	7=4/2
2.2. Thu phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	45.000	50.000	23.372	25.000	50.000	55,6%	50,0%
2.3. Thu biện pháp tài chính khác	117.600	119.000	43.994	63.000	122.000	53,6%	52,9%
III. Thuế XK, NK, TTDB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu	76.000	76.000	56.646	35.000	77.500	46,1%	46,1%
IV. Thu viện trợ							
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.788.231	12.283.447	4.962.361	5.520.000	12.354.000	46,8%	44,9%
I. Chi cần đối NSDP	9.822.838	10.318.054	4.143.480	4.390.000	10.374.476	44,7%	42,5%
1. Chi đầu tư phát triển	1.391.290	1.872.620	656.762	670.000	1.875.000	48,2%	35,8%
2. Chi thường xuyên	8.209.258	8.156.958	3.485.318	3.718.600	8.211.000	45,3%	45,6%
3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400	1.400	1.400	1.400	100,0%	100,0%	100,0%
4. Chi cải cách tiền lương		23.750	23.750		23.750		
5. Dự phòng ngân sách	196.540	262.726			262.726		
6. Chi trả nợ lãi vay	600	600			600		
II. Chi thực hiện các chương trình MTQG, chương trình 135, và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.965.393	1.965.393	818.881	1.130.000	1.979.524	57,5%	138,0%

Thí

TỈNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/6/2019 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số Huyện, thị xã, thành phố	Địa điểm giao (kể cả tiền sử dụng đất)	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2019			Ước thực hiện đến ngày 30/6/2019			% Thực hiện so với dự toán		
		Gồm			Gồm			% so với dự toán		
		Dự toán giao (không kè tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại	Các khoản thuế còn lại	năm (kể cả tiền sử dụng đất)	năm (không kè tiền sử dụng đất)	
A	B	1=2+3	1a = 2+5	2	3=4+5	4	5	6 = 7+8	7	8=9+10
1	Krong Pa	31.984	22.984	3.384	28.600	9.000	19.600	18.457	14.757	1.540
2	Phú Thiện	25.072		21.572	2.572	22.500	3.500	19.000	19.606	12.406
3	Chư Sê	91.327		41.327	3.827	87.500	50.000	37.500	114.740	1.744
4	Mang Yang	25.769		18.769	1.969	23.800	7.000	16.800	13.836	10.410
5	AyunPa	71.941		65.441	2.941	69.000	6.500	62.500	38.862	2.642
6	Chư Păl	30.265		19.265	2.465	27.800	11.000	16.800	35.195	983
7	An Khê	92.070		68.070	4.470	87.600	24.000	63.600	52.928	2.310
8	IaPa	11.365		10.365	1.865	9.500	1.000	8.500	5.376	870
9	Chư Prông	62.164		42.164	3.164	59.000	20.000	39.000	32.700	22.700
10	Đức Cơ	51.361		28.361	3.161	48.200	23.000	25.200	26.400	1.400
11	Đăk Đoa	57.924		38.924	3.324	54.600	19.000	35.600	29.390	19.390
12	Pleiku	1.153.065		624.065	11.465	1.141.600	529.000	612.600	576.871	450.917
13	KBang	40.392		33.392	2.792	37.600	7.000	30.600	25.257	14.907
14	Ia Grai	55.490		43.490	4.090	51.400	12.000	39.400	32.269	18.719
15	Chư Prông	39.030		16.030	2.830	36.200	23.000	13.200	14.608	9.207
16	Đăk Pơ	21.905		15.905	2.505	19.400	6.000	13.400	11.210	8.210
17	Kông Chro	27.258		23.258	2.558	24.700	4.000	20.700	12.007	9.900
18	Văn phòng	2.828.300		2.828.300		2.828.300		1.269.729	1.269.729	
19	Cục									
	Đơn vị TW và	188.318		188.318				125.000	125.000	-
	tỉnh	76.000		76.000				35.000	35.000	-
	T.đó: XNK	76.000		76.000						
	Tổng cộng	4.905.000		4.150.000		4.657.300		755.000	3.902.300	2.455.000
		4.150.000		4.657.300		755.000		3.902.300	2.455.000	1.933.697



TỈNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
ĐẾN NGÀY 30/6/2019
(kèm theo Báo cáo số 7/BC-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố huyện - xã	Tổng chi NS huyện - xã	Chi đầu tư phát triển	Đề toán UBND tỉnh giao năm 2019												Ước thực hiện đến ngày 30/6/2019																																																			
				Gồm				Trong đó				Trong đó				Trong đó				Trong đó				Trong đó																																											
				Trong đó		Dự phòng ngân sách		Tổng chi NS huyện- xã		Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		SN GD - ĐT và DN		SN KHCN		Dự phòng ngân sách		Quản lý qua ngân sách		Chi trả tạm ứng		Tạm chi chưa đưa vào NS cấp trên		% Thuế hiện/Dự tính																																									
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	AA	AB	AC																																							
1	Kông Chro	308.280	19.600	282.510	146.256	350	3.222	6.170	182.514	17.067	122.076	63.629	175	600	90	792	2.122	40.367	59,2%	2	Đăk Đoa	430.958	26.300	396.038	203.398	350	4.747	8.620	253.898	18.000	186.370	100.220	0	550	12.973	36.555	58,9%	3	K'Bang	378.701	23.900	347.231	180.490	350	4.302	7.570	210.171	36.025	173.794	90.653	270	352															
4	Chư Sê	540.264	70.200	459.254	257.487	410	7.034	10.810	279.896	104.320	168.000	87.037	0	6.800	2.540	5.036																																																			
5	AyunPa	223.691	20.700	198.521	89.675	410	4.902	4.470	114.335	18.339	95.471	40.495	200	1.674	525																																																				
6	Chư Păh	357.594	30.560	319.884	163.522	350	4.230	7.150	182.399	20.985	159.653	78.148	100	1.153	1.761																																																				
7	Chư Prông	500.419	39.300	451.109	244.277	350	5.261	10.010	253.200	25.000	227.000	123.000	300	2.500	1.200																																																				
8	Ia Grai	416.261	28.300	379.631	202.984	350	4.730	8.330	206.542	24.500	177.196	95.857	1.500	4.846																																																					
9	Đức Cơ	363.579	25.900	330.409	185.072	350	4.212	7.270	169.175	22.000	146.500	80.000	100	1.200	650	25																																																			
10	Pleiku	1.035.869	341.000	674.149	319.715	510	15.439	20.720	476.392	100.000	317.364	149.000	85	26.000																																																					
11	Đăk Rơ	220.412	15.900	200.102	98.427	350	2.589	4.410	100.500	7.500	92.800	40.500	64	900	200																																																				
12	An Khê	298.214	31.900	260.354	121.138	410	4.593	5.960	134.943	13.500	121.065	55.150	900	378																																																					
13	IaPa	296.548	14.300	276.318	139.767	350	3.174	5.930	130.548	12.317	118.148	61.654	3	83																																																					
14	Phú Thiện	332.339	15.400	310.289	161.987	350	3.892	6.650	136.743	7.485	129.013	70.821	400	1.189	245																																																				
15	Chư Purh	320.180	21.800	291.980	167.731	350	3.750	6.400	151.810	11.980	113.762	57.110	2.710																																																						
16	Mang Yang	318.985	20.400	292.205	157.151	350	3.310	6.380	124.643	7.245	115.978	63.753	150	200	1.420																																																				
17	Krông Pa	428.889	26.600	393.709	212.634	350	4.607	8.580	163.200	7.500	155.500	75.500	150	200																																																					
	Tổng cộng	6.771.183	772.060	5.863.693	3.051.711	6.290	83.994	135.430	3.270.909	453.763	2.619.690	1.332.557	1.425	48.099	25	4.797	18.009	20.466	139.269																																																

Ghi chú:

- (1) Chi thường xuyên (kè cả bù sung có mục tiêu)
- (2) Chi Suy nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề (kè cả bù sung có mục tiêu)

BIEU CHI TIET SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019
 (có đến ngày 30/5/2019)
 (kèm theo Báo cáo số: 27 /BC-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Tổng số			
1	84/QĐ-UBND	5/28/2019	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh năm 2019	450,0
2	107/QĐ-UBND	3/5/2019	Bổ sung nguồn vốn cho Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển năm 2019	3.000,0
3	149/QĐ-UBND	3/28/2019	Bổ sung chi quản lý hành chính Văn phòng UBND tỉnh	133,0
4	175/QĐ-UBND	4/10/2019	Kinh phí tổ chức cho đoàn cán bộ lãnh đạo của tỉnh đi Trường sa và Nhà dân DK1 năm 2019	650,0
5	216/QĐ-UBND	5/6/2019	Kinh phí hỗ trợ tổ chức lễ kỷ niệm 60 năm ngày mở đường HCM - Ngày truyền thống bộ đội Trường Sơn tỉnh Gia Lai	55,0
6	217/QĐ-UBND	5/6/2019	Kinh phí mua 2 tì vi tặng nhân dân làng Plei Hek, xã Chu A thai, huyện Phú Thiện và làng Bi Giông, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa	24,0
7	241/QĐ-UBND	5/15/2019	Hỗ trợ Chương trình nghệ thuật "Người không hát tình ca"	30,0
8	244/QĐ-UBND	5/17/2019	Kinh phí đi thăm các tổ chức tôn giáo trực thuộc nhân dịp Đại Lễ Phật đản Vesak năm 2019	164,0
9	263/QĐ-UBND	5/24/2019	Kinh phí mua 01 bộ cồng chiêng hỗ trợ cho nhân dân làng Hà Dũng 1, xã Đăk Rong, huyện Kbang	46,2